TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
THÀNH PHỐ CẦN THƠ	

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2024

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Nguyễn Khánh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thanh Thảo

2. Bà Trần Thị Hồng Yến

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Như Ngọc, thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2023/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu C**, sinh năm 1991

Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Trương Ngọc T**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Thu C trình bày:* Bà và ông Trương Ngọc T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Trương Anh Q

(nam), sinh ngày 29/10/2021. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi không quan tâm chăm sóc gia đình, ông bà không có tiếng nói chung. Bà C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Anh Q đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà C trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Trương Ngọc T*: tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến của ông T được.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trương Ngọc T, về con chung bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Anh Q đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: bà C trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Ngọc T vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ kiện đã được thụ lý theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện bà Trần Thị Thu C yêu cầu được ly hôn với ông Trương Ngọc T. Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về ly hôn, nuôi con giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Trần Thị Thu C và ông Trương Ngọc T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa bà C và ông T đã thực sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cúc.

[4] Đối với bị đơn ông Trương Ngọc T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần mà ông T vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa, chứng tỏ ông không còn thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm gia đình nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: bà Trần Thị Thu C và ông Trương Ngọc T có 01 con chung tên Trương Anh Q (nam), sinh ngày 29/10/2021 hiện đang sống cùng bà C và bà C có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q đến khi trưởng thành không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử giao con cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: bà C trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Nhưng do xét xử vắng mặt ông T nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

[7] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thu C được ly hôn với ông Trương Ngọc T.

Về con chung: giao cháu Trương Anh Q (nam), sinh ngày 29/10/2021 cho bà Trần Thị Thu C tiếp tục nuôi dưỡng, ông Trương Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Trương Ngọc T theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: bà C trình bày là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Nhưng do xét xử vắng mặt ông T nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: bà Trần Thị Thu C phải nộp 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004325 ngày 27/11/2023 thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Nguyễn Khánh Xuân

* ***Nơi nhận:***
- VKSND Q. Ô Môn;
- Thi hành án Q. Ô Môn;
- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ;